

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán Mua sắm bổ sung hóa chất theo máy cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, địa chỉ: Đường Hoàng Thị Loan, Phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng.
- Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bà Bùi Vi Na, SĐT: 0236.3717.233, email: dvdt.bvubdn@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: 1 trong 2 cách như sau:
 - Nhận trực tiếp bản giấy tại Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, Đường Hoàng Thị Loan, Phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng, vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6.
 - Nhận báo giá qua địa chỉ email: dvdt.bvubdn@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 03 tháng 12 năm 2025 đến trước 09h ngày 15 tháng 12 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá: ***Chi tiết Bảng mô tả đính kèm Phụ lục 01.***
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế.
 - Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, Đường Hoàng Thị Loan, Phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng.
 - Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Thời gian giao hàng dự kiến:
 - Thời gian cung ứng dự kiến 12 tháng kể từ Quý I năm 2026.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:



- Tạm ứng: Không.
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

a. **Báo giá theo mẫu Phụ lục 02 đính kèm thông báo này.**

b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các mặt hàng báo giá (Bản giấy hoặc file mềm gửi trực tiếp về địa chỉ của bệnh viện hoặc email quy định tại khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá).

c. Trường hợp bản giấy chậm trễ trong quá trình vận chuyển gửi về địa chỉ nhận trực tiếp của bệnh viện quy định tại khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải có file mềm và bản scan của Hồ sơ báo giá theo quy định tại điểm a, b khoản 5 mục này gửi về địa chỉ email của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá trước ngày kết thúc thời hạn nhận báo giá quy định tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá.

d. Quyết định trúng thầu kèm Danh mục chi tiết hàng hoá chào giá: Phải thông qua **Đấu thầu rộng rãi** và phải còn hiệu lực trong vòng **12 tháng** (từ tháng 12/2024 đến nay).

e. Danh mục mời chào giá bao gồm **2 phần (lô)** tương ứng với hóa đơn cho từng dòng máy riêng. Báo giá của nhà thầu phải bao gồm **đầy đủ giá chào của các mặt hàng trong từng phần lô**. Báo giá riêng lẻ từng mặt hàng hoặc không đầy đủ hàng hóa trong cùng một phần lô sẽ được xem là báo giá không hợp lệ.

Lưu ý: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐVĐT



Nguyễn Thanh Hùng

PHỤ LỤC 01
BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 894/BVUBĐN-KD ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy đông máu				
1	Hóa chất sử dụng cho quá trình rửa kim tính kiềm	Hoá chất rửa kim sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Thành phần: chứa Sodium hypochloride khoảng 1% Lọ từ 50ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	50	15
2	Hóa chất chạy nội kiểm cho xét nghiệm đông máu	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động. Sử dụng để kiểm chuẩn dài bệnh lý cho các xét nghiệm APTT, PT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, các chất ức chế, Plasminogen. Hóa chất không chứa chất bảo quản, có nguồn gốc từ người, dạng đông khô Lọ từ 1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	10	3
3	Hóa chất bổ trợ cho xét nghiệm APTT và xét nghiệm yếu tố nội sinh	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động. Sử dụng như hoá chất bổ sung trong các xét nghiệm đông máu Thành phần: dung dịch calcium chloride khoảng 0,025 mol/l Lọ từ 15ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	70	21
4	Hóa chất chạy nội kiểm cho xét nghiệm đông máu Citrol 1E hoặc tương đương	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động. Sử dụng để kiểm chuẩn ở dài bình thường cho các xét nghiệm APTT, PT, TT, fibrinogen, ATIII, Batroxobin time/Reptilase time Có nguồn gốc từ huyết tương người chống đông citrat, dạng đông khô. Lọ từ 1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	10	3

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
5	Hóa chất chạy nội kiểm cho xét nghiệm đông máu Citrol 2E hoặc tương đương	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Sử dụng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu ở dải điều trị chống đông đường uống mức trung bình đến mức cao, giá trị được cung cấp cho các xét nghiệm APTT, PT Có nguồn gốc từ huyết tương người chống đông citrat, dạng đông khô Lọ từ 1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	10	3
6	Hóa chất chạy hiệu chuẩn cho xét nghiệm đông máu	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Sử dụng để hiệu chuẩn cho các xét nghiệm PT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, các chất ức chế, Plasminogen. Thành phần: có nguồn gốc từ người, được kiểm tra các HIV, HBV, HCV. Dạng đông khô Lọ từ 1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	10	3
7	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Sử dụng để định lượng fibrinogen trong huyết tương Thành phần: thrombin có nguồn gốc từ bò, khoảng 100 IU/ml. Lọ từ 1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	420	126
8	Hóa chất đo thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT)	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động. Sử dụng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT) Thành phần: phosphatides đậu nành tinh khiết và não thỏ, chất đệm và chất ổn định, dạng lỏng. Lọ từ 2ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	470	141

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
9	Hóa chất pha loãng cho xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động. Là dung dịch đệm trong xét nghiệm đông máu Thành phần: sodium barbitol và sodium chloride, pH $7,35 \pm 0,1$; dạng lỏng. Lọ từ 15ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	80	24
10	Hóa chất đo thời gian Prothrombin (PT) được điều chế từ yếu tố mô nhau thai người kết hợp với Canxi Clorua và chất ổn định	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Sử dụng để xác định thời gian prothrombin (PT) Thành phần: thromboplastin nhau thai người ($\leq 60\text{g/L}$), Calcium Chloride (khoảng $1,5\text{g/L}$) và chất ổn định. Lọ từ 4ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	665	199
11	Hóa chất cần cho quá trình rửa kim có tính acid	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Thành phần: HCl nồng độ khoảng 0,16%, Non-ionic surfactant khoảng 0,50% Hộp từ 500ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	6	1
12	Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm định lượng D - Dimer	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Sử dụng để định lượng D-Dimer trong huyết tương gồm các hoá chất như sau: Thuốc thử: gồm các hạt Polystyrene phủ kháng thể đơn dòng chuột trong hỗn hợp đệm chứa Albumin huyết thanh người, dạng đông khô Dung dịch đệm: dạng lỏng, dung dịch đệm / chất ổn định, chất bảo quản Dung dịch bổ trợ: thuốc thử chặn tính dị ái (khoảng $0,63\text{g/l}$) / chất đệm / chất bảo quản Dung dịch pha loãng: dạng lỏng, dung dịch đệm, chất bảo quản Chất chuẩn: dạng đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương người có chứa D-Dimer nồng độ 4,4 tới $6,1\text{ mg/L FEU}$) Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	12	3



STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
13	Hóa chất nội kiểm cho xét nghiệm D - Dimer	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Sử dụng để đánh giá độ chính xác và xu hướng phân tích của xét nghiệm định lượng D-Dimer mức bình thường và mức bệnh lý Có nguồn gốc từ huyết tương người, dạng đông khô Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	3	0
II	Hóa chất, vật tư y tế dùng cho máy xét nghiệm huyết học				
1	Dung dịch pha loãng máu toàn phần dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch pha loãng máu toàn phần dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Công dụng: sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu. Thành phần: Sodium chloride $\geq 0,7\%$; Tris buffer $\geq 0,2\%$; EDTA-2K $\geq 0,02\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	Lít	4.000	1.200
2	Thuốc thử ly giải để đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thuốc thử ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Công dụng: ly giải các tế bào hồng cầu để phân loại các tế bào bạch cầu, bạch cầu ái kiềm, hồng cầu có nhân và đếm số lượng Thành phần: Muối amoni hữu cơ bậc bốn $\geq 0,20\%$, Chất hoạt động bề mặt không ion $\geq 0,10\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	Lít	150	45
3	Thuốc thử ly giải để đếm số lượng các loại bạch cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thuốc thử ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Công dụng: ly giải các tế bào hồng cầu và nhuộm các thành phần tế bào bạch cầu, để đếm số lượng các loại bạch cầu trung tính, bạch cầu mono, bạch cầu lympho và bạch cầu ái toan Thành phần: Chất điện hoạt không ion hóa: $\geq 0,17\%$; Muối amoni hữu cơ bậc bốn $\geq 0,07\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	Lít	150	45
4	Dung dịch đo hemoglobin trong máu dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thuốc thử xác định hemoglobin trong máu dùng cho máy xét nghiệm huyết học Công dụng: đo nồng độ hemoglobin trong máu. Thành phần: Sodium lauryl sulfate $\geq 1,7$ g/L. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	ml	57.000	17.100

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
5	Thuốc thử đánh dấu hồng cầu lưới dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thuốc thử đánh dấu hồng cầu lưới dùng cho máy xét nghiệm huyết học Công dụng: đánh dấu tế bào hồng cầu lưới trong mẫu máu đã được pha loãng. Thành phần: Polymethine $\geq 0,03\%$; methanol $\geq 7,9\%$; Ethylene Glycol $\geq 92\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	ml	48	14
6	Dung dịch pha loãng máu toàn phần để xét nghiệm hồng cầu lưới và tiểu cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch pha loãng máu toàn phần để xét nghiệm hồng cầu lưới và tiểu cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học Công dụng: sử dụng trong phân tích hồng cầu lưới và trong phân tích tiểu cầu. Thành phần: Tricine buffer $\geq 0,17\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	Lít	3	0
7	Hóa chất rửa máy dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất rửa máy dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Công dụng: dung dịch kiềm sử dụng để rửa hệ thống máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: Sodium Hypochloride (nồng độ Clo khoảng 5,0%). Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	ml	960	288
8	Thuốc thử đánh dấu các loại tế bào có nhân dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thuốc thử đánh dấu các loại tế bào có nhân dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Công dụng: đánh dấu các tế bào có nhân trong các mẫu máu đã được pha loãng để đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu ái kiềm, số lượng tế bào hồng cầu có nhân. Thành phần: Polymethine $\geq 0,005\%$; Ethylene Glycol $\geq 99,9\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	ml	2.132	639
9	Thuốc thử đánh dấu các loại tế bào bạch cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thuốc thử đánh dấu các tế bào bạch cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Công dụng: sử dụng để đánh dấu các tế bào bạch cầu trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải Thành phần: Polymethine $\geq 0,002\%$; Methanol $\geq 3,0\%$; Ethylene Glycol $\geq 96,9\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	ml	2.352	705

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
10	Vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần mức 1 dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần mức 1 dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: bao gồm các tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, hồng cầu có nhân ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	ml	36	10
11	Vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần mức 2 dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần mức 2 dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: bao gồm các tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, hồng cầu có nhân ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	ml	36	10
12	Vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần mức 3 dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần mức 3 dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: bao gồm các tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, hồng cầu có nhân ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	ml	36	10
TỔNG CỘNG: 25 KHOẢN					

PHỤ LỤC 02: MẪU BÁO GIÁ

CÔNG TY
Địa chỉ:
SĐT:
Email:
Mã số thuế:



BẢNG BÁO GIÁ
KÍNH GỬI: BỆNH VIỆN UNG BƯỚU ĐÀ NẴNG

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số 894/BVUBĐN-ĐVĐT ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Bệnh Viện Ung Bướu Đà Nẵng, chúng tôi, Công ty....., có địa chỉ tại:, báo giá cho các thiết bị y tế như sau:
I. Báo giá cho các mặt hàng như sau (Báo giá đầy đủ các mặt hàng cho từng phần lô hóa chất dùng trong thích với từng loại máy):

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại, ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã IIS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Số lượng/ khối lượng tùy chọn mua thêm 30%	ĐVT	Quy cách	Đơn giá (Đã có VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)	Thành tiền tùy chọn mua thêm 30% (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1											0			
											0			
TỔNG CỘNG: KHOẢN													-	-

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2025.
3. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2025
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)